Mẫu 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC
ĐƠN VỊ: KHOA KHTN – CN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 08/BC-KHTN-CN

Sơn La, ngày 20 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Kế hoạch năm học 2022 – 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình chung (vắn tắt)

- Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Tỉnh ủy Sơn La thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Trường Đại học Tây Bắc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2020 – 2025; Hội đồng trường được thành lập từ ngày 10/3/2020; Trường Đại học Tây Bắc được Trung tâm kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận công nhận Cơ sở giáo dục đạt Chất lượng giáo dục.

2. Đặc điểm tình hình đơn vị

- Tính đến 20/6/2023 Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ có 49 cán bộ, giảng viên. Trong đó có 14 tiến sĩ, 34 Thạc sĩ (5 NCS), 01 cử nhân; 02 GVCC, 17 GVC, 29 GV, 01 chuyên viên, 02 cán bộ đang NCS tại nước ngoài. Ngoài ra có 6 tiến sĩ, 11 thạc sĩ là cán bộ lãnh đạo nhà trường đang giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại khoa.

- Khoa có 6 tổ gồm: 1 tổ VPK và 5 tổ Bộ môn.

- Tính đến 20/6/2023 khoa có 2 lớp Thạc sĩ (K10, K11) chuyên ngành: Lí luận và PPDH bộ môn Toán, với 22 học viên (25 HV đã tốt nghiệp tháng 1/2023) và 25 lớp sinh viên chính quy với 416 (đầu năm số sinh viên là 422) sinh viên chính quy đào tạo tại 6 ngành đại học: SP Toán, SP Lý, SP Hóa, SP Sinh, SP Tin, CNTT.

Các tổ chức đoàn thể trong khoa bao gồm:

1. Chi bộ: gồm 45 đảng viên (42 chính thức, 3 dự bị)
2. Công đoàn: gồm 49 đồng chí
3. Liên chi đoàn: gồm 22 chi đoàn với 277 đoàn viên (Trong đó có 21 giảng viên)
4. Hội sinh viên: gồm 22 chi hội

- So với thời điểm tháng 6/2022 khoa có 24 lớp với 385 sinh viên, hiện nay có 26 lớp và 416 SV chính quy (tăng 31 sinh viên). Sau khi K60 ra trường khoa còn lại 336 SV (chưa cộng K64).

Bảng thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên biến động trong năm học.

STT	Đối tượng	Đầu năm	Cuối năm	Lý do	Ghi

		học	học		chú
1	Giảng viên, cán bộ	51	49	2 Đ/c chuyển đơn vị khác (Đ/c Hoàng Hải Long và Đ/c Lê Quốc Khánh)	
Cao học					
1	K9 – PP Toán	30	29	Đã tốt nghiệp 25 HV từ 01/2023	
2	K10 – PP Toán	4	4		
3	K10 – PP Toán	14	14		
Tổng số		**48**	**22**	04 HV K9 chưa bảo vệ	
Ngành ĐHSP Toán học					
1	K60 ĐHSP Toán	4	4		
2	K61 ĐHSP Toán	14	15	03 LHS học liên thông	
3	K62 ĐHSP Toán	28	28		
4	K63 ĐHSP Toán	15	15		
Tổng số		**61**	**62**		
Ngành ĐHSP Vật lý					
1	K60 ĐHSP Lý	5	5		
2	K61 ĐHSP Lý	3	3		
3	K63 ĐHSP Lý	3	3		
Tổng số		**11**	**11**		
Ngành ĐHSP Hóa học					
1	K60 ĐHSP Hóa	7	7		
2	K61 ĐHSP Hóa	4	7	4 LHS học liên thông	
3	K63 ĐHSP Hóa	6	6		
Tổng số		**17**	**20**		
Ngành ĐHSP Sinh học					
1	K60 ĐHSP Sinh	9	9		
2	K61 ĐHSP Sinh	4	9	5 LHS học liên thông	
3	K62 ĐHSP Sinh	3	3		
4	K63 ĐHSP Sinh	3	2		
Tổng số		**19**	**18**		
Ngành ĐHSP Tin học					
1	K60 ĐHSP Tin	7	7		
2	K61 ĐHSP Tin	3	3		
3	K62 ĐHSP Tin	11	11		
4	K63 ĐHSP Tin	29	28		
Tổng số		**50**	**49**		
Ngành ĐHCNTT					
1	K60 ĐHCNTT	48	48		

2	K61 ĐHCNTT	75	75		
3	K62 ĐHCNTT	65	65		
4	K63 ĐHCNTT	76	68	8 SV bỏ học	
Tổng số		**264**	**256**		
Tổng số sinh viên ĐH		**422**	**416**	**6 SV thôi học**	

3. Thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

- Có sự chỉ đạo sát sao, sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu.

- Đơn vị là tập thể đoàn kết, năng động, sáng tạo, luôn có sự tương trợ, cùng phấn đấu đi lên.

- Nhiều giảng viên có kinh nghiệm, uy tín trong đào tạo và NCKH.

3.2. Khó khăn

- Giảng viên các ngành Lý, Hóa, Sinh nhiều, có biến động (bộ môn Hóa học) mà số lượng sinh viên ít.

- Giảng viên Toán, CNTT ít, có biến động, số lớp nhiều.

- Môi trường, nền kinh tế thị trường ảnh hưởng nhiều tới chất lượng đào tạo.

- Số lượng sinh viên ít. Đầu vào của sinh viên còn thấp. Tỉ lệ LHS Lào cao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

2.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu

(Căn cứ vào các hoạt động trong kế hoạch năm học 2022-2023, chỉ rõ: Kết quả đạt được, tỷ lệ phần trăm so với chỉ tiêu).

TT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Kết quả (số liệu đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Công tác tư tưởng, chính trị của giảng viên	Trong cả năm học	- 100% giảng viên gương mẫu chấp hành tốt các chủ trương, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước	Đạt 100%
2	Công tác tư tưởng, chính trị của sinh viên	Trong cả năm học	100% sinh viên đạt điểm rèn luyện từ trung bình trở lên	Đạt 100%
3	Công tác chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên	Trong cả năm học	100% giảng viên thực hiện tốt công tác chuyên môn, nghiệp vụ, NCKH, KN&PVCĐ	Đạt 100%

4	Công tác chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên	Trong cả năm học	90% sinh viên thi qua lần 1, 100% sinh viên thực hiện thành công đề tài NCKH, khóa luận, đồ án tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp.	Đạt 100%
5	Công tác VHVN – TDTT kết nối và phục vụ cộng đồng của giảng viên	Trong cả năm học	100% giảng viên tham gia các hoạt động VHVN-TDTT, kết nối và phục vụ cộng đồng	Đạt 100%
6	Công tác VHVN – TDTT của sinh viên	Trong cả năm học	100% sinh viên tham gia các hoạt động VHVN-TDTT Đạt giải Nhất Bóng đá Nữ, Ba Bóng chuyền Nữ Giải Ba văn nghệ SV	Đạt 100%

- Trong năm học 2022 – 2023 Khoa Khoa học Tự nhiên – Công nghệ đã nhận được:

+ 01 bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo *(Quyết định số 3975/QĐ-BGDĐT, ngày 01/12/2022).*

+ 01 giấy khen của Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc về Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022.(*Quyết định số182-QĐ/ĐU, ngày 05/01/2023*.)

- Trong năm 2022 có 01 Cá nhân được nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 02 cá nhân được nhận Bằng khen của UBND Tỉnh Sơn La; 6 cá nhân được nhận giấy khen của BCH Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc.

Đánh giá tổng thể: Hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

2. Đánh giá các mặt hoạt động

2.1. Công tác tư tưởng, chính trị

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Giảng viên và sinh viên tham gia và chấp hành tốt nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2022 – 2023; Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức các cấp; các chủ trương, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước; Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các hoạt động kỷ niệm nhân các ngày lễ và các đợt sinh hoạt chính trị.

+ Hạn chế: Còn một số ít sinh viên chưa thực hiện tốt nội quy, quy chế của nhà trường, như: Vi phạm quy chế thi, Nghỉ học không có lý do.

+ Nguyên nhân: Ý thức của một số ít sinh viên chưa tốt.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.1. kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Tổ chức quán triệt thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2022 – 2023	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên nắm được nhiệm vụ, kế hoạch năm học	Đạt 100%
2	Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp, chính sách của nhà nước	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên nắm được các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp, chính sách của nhà nước	Đạt 100%
3	Công tác học tập và quán triệt Nghị quyết TW 4 khóa XII	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên nắm được nghị quyết của Đảng	Đạt 100%
4	Thực hiện chỉ thị số 05-CT/TW, 15/5/2016	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên tham gia chỉ thị	Đạt 100% Chi bộ được đề nghị nhận Bằng khen của UBND tỉnh Sơn La
5	Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên tham gia thực hiện	Đạt 100%
6	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân các ngày lễ và các đợt sinh hoạt chính trị	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên tham gia thực hiện	Đạt 100%
7	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức cách mạng	Trong cả năm học	100% Giảng viên, sinh viên tham gia thực hiện	Đạt 100%

2.2. Công tác tổ chức, cán bộ

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Tăng cường chất lượng của đội ngũ giảng viên thông qua công tác bồi dưỡng cán bộ, tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế,

tham gia tập huấn chuyên môn, tổ chức các hoạt động seminar chuyên đề ở các bộ môn và ở khoa, tạo điều kiện cho giảng viên đi NCS.

+ Hạn chế: Một số NCS không hoàn thành nhiệm vụ như đã đăng ký, một số chậm tiến độ.

+ Nguyên nhân: Một số NCS năng lực còn hạn chế, một số NCS chưa có bài báo quốc tế.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.2. kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
	I. Công tác tổ chức cán bộ			
	Cơ cấu, tổ chức đơn vị (những thay đổi, bổ sung nếu có).	Không thay đổi	Không thay đổi	
	Kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (biến động về số lượng PGS, GVCC, GVC, tiến sỹ, thạc sỹ, tuyển dụng mới…)	Từ 6/2022 đến 6/2026	- Có 01 NCS bảo vệ Tiến sĩ - Có 03 GVC	
	Kết quả của hoạt động nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ	Trong cả năm học	- Có 5 Đ/c Đang học VB2 - Có 16 Đ/c tham gia lớp bồi dưỡng năng lực cán bộ cấp phòng.	
	Thống kê số cán bộ nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc…	6/2023	2 Đ/c chuyển đơn vị mới	

2.3. Công tác đào tạo

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Các hoạt động được thực hiện đúng, đủ và đảm bảo tốt các yêu cầu kế hoạch năm học đã đề ra, như: hoạt động dạy và học, hoạt động RLNV, hoạt động thao giảng, đánh giá giờ dạy, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, rà soát, cập nhật, chỉnh sửa Chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, seminar,..Thực hiện đủ các quy định về công tác đảm bảo chất lượng.

+ Hạn chế: việc dạy học phần dạy trực tuyến còn khó khăn với một số đồng chí

tuổi cao. Việc giảng dạy và học tập online còn gặp nhiều khó khăn.

+ Nguyên nhân: một số giảng viên khả năng sử dụng CNTT chưa được tốt. Nhiều sinh viên chưa có máy tính và đường truyền internet kém.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.3. kèm theo).

Số TT	Bộ môn	Số GV	Định mức giảng dạy	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Toán học	6 + 3 Kiêm nhiệm	3241	4342.4	133,9
2	Vật lý	7 + 2 Kiêm nhiệm	1263	1300	100
3	Hóa học	12 + 2 Kiêm nhiệm	2630	2353	89
4	Sinh học	13 + 6 Kiêm nhiệm	2.953,5	2.703,3	91.52
5	CNTT	11 + 1 Kiêm nhiệm	6.027	10.182	168

Kiểm tra chuyên môn

Số TT	Bộ môn	Số GV	Xếp loại							
			Giỏi		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Toán học	6	4	66,7	2	33,3				
2	Vật lý	8	6	75%	2	25%				
3	Hóa học	13	02	15,4	11	84,6				
4	Sinh học	19	6	31.6	13	68.4				
5	CNTT	11	8	72.7	3	27.3				

Kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy

Số TT	Bộ môn	Số GV	Xếp loại			
			Đạt		Không đạt	
			SL	%	SL	%
1	Toán học	6	6	100%		
2	Vật lý	8	10	100%		
3	Hóa học	13	14	100%		
4	Sinh học	19	16	100%		
5	CNTT	11	11	100%		

Kết quả thực tập cuối khóa của sinh viên

Số TT	Ngành đào tạo	Số SV	Xếp loại							
			Giỏi		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Sư phạm Toán	4	4	100						
2	Sư phạm Lý	5	5	100						
3	Sư phạm Hóa	9	9	100						
4	Sư phạm Sinh	9	9	100						
5	Sư phạm Tin	7	7	100						
6	CNTT	48	48	100						

Kết quả tốt nghiệp của sinh viên

Số TT	Ngành đào tạo	Số SV	Xếp loại							
			Giỏi		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Sư phạm Toán	4			3	75	1	25		
2	Sư phạm Lý	5			4	80	1	20		
3	Sư phạm Hóa	7			7	100				
4	Sư phạm Sinh	9			9	100				
5	Sư phạm Tin	7	1	14,3	5	71,4	1	14,3		
6	CNTT	48			32	66,7	14	29,2	2	

Số sinh viên bị cảnh báo học tập trong năm học

Số TT	Ngành đào tạo	Số SV	1 lần		2 lần		3 lần	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Sư phạm Toán	62						
2	Sư phạm Lý	11						
3	Sư phạm Hóa	20						
4	Sư phạm Sinh	18						
5	Sư phạm Tin	49	1	2				
6	CNTT	256	31	12,3				

Số sinh viên vi phạm quy chế thi trong năm học

TT	Ngành đào tạo	Số SV	Khiển trách		Cảnh cáo		Đình chỉ	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Sư phạm Toán	62			1	1,8		
2	Sư phạm Lý	11						
3	Sư phạm Hóa	20						
4	Sư phạm Sinh	18						
5	Sư phạm Tin	49						
6	CNTT	256						

2.4. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, nhiều bài báo được đăng trong các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. các bộ môn thường xuyên tổ chức hoạt động khoa học, seminar,..

+ Hạn chế: Công tác NCKH chưa được rộng khắp, một số giảng viên chưa tích cực tham gia NCKH

+ Nguyên nhân: Năng lực NCKH của một số giảng viên còn kém, việc NCKH theo nhóm chưa hiệu quả.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.4. kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Đề tài cấp cơ sở	Từ 6/2022 đến 6/2023	17	100%
2	Đề tài cấp Bộ, Nhà nước, Nafoted,…	Trong giai đoạn năm học 2022-2023	13	100%
3	Bài báo nước ngoài	7/2022 – 6/2023	14	100%
4	Bài báo trong nước	7/2022 – 6/2023	35	100%
5	Bài báo trong các Hội thảo khoa học	7/2022 – 6/2023	7	100%
6	Giáo trình, sách	7/2022 – 6/2023	15	100%
7	Đề tài NCKH của SV	7/2022 – 6/2023	4	100%
Tổng số nhiệm vụ NCKH			105	

2.5. Công tác kết nối và phục vụ cộng đồng

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã tổ chức và tham gia nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng có hiệu quả, đặc biệt là hoạt động tư vấn cho học sinh THPT tại các huyện Sốp Cộp, Thuận Châu, Phù Yên

+ Hạn chế: Một số sinh viên chưa tích cực trong hoạt động này

+ Nguyên nhân: Điều kiện sinh hoạt của sinh viên còn khó khăn, một số em còn rụt rè, chưa tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.5. kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Lĩnh vực đào tạo và tạo việc làm	- Đã đào tạo cao học K9 - Đang đào tạo cao học K10, K11 - Đào tạo SV chính quy - Đào tạo HV VLVH	29 HV 18 HV 416 SV 110	100% 100% 100% 100%
2	Nghiên cứu	Thực hiện các nhiệm vụ NCKH trong	105	100%

	khoa học và chuyển giao công nghệ	năm học 2022 – 2023	nhiệm vụ	
3	Ngoại khóa, Tư vấn, hướng nghiệp	- Tổ chức hoạt động Ngoại khóa và tư vấn tuyển sinh cho Trường THPT Tân Lang tháng 3/2023 - Tổ chức hoạt động Ngoại khóa và tư vấn tuyển sinh cho Trường THPT Bắc yên tháng 3/2023 - Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tư vấn tuyển sinh cho Trường THPT Sốp Cộp tháng 4/2023. - Hướng dẫn đổi mới PPDH và tư vấn tuyển sinh cho Trường THPT Thuận Châu 5/2023.	30 GV 300 HS 40 GV 300 HS 20 GV 300 HS 25 GV 250 HS	100% 100% 100% 100%
4	Hỗ trợ người học	- SV được nhận học bổng các loại - Tổ chức các hoạt động VHVN – TDTT - Tổ chức cho học viên, SV ngành Sư phạm Toán tọa đàm với PGS. TS. Đoàn Trung Cường – Viện Phó Viện Toán học Việt Nam - Tổ chức hoạt động Ngoại khoa "NST năm 2023"	67 SV Nhất bóng đá Nữ, Ba Bóng chuyền Nữ, Ba Văn nghệ 73 HV, SV 400 SV	100% 100% 100% 100%
5	Công tác tình nguyện, nhân đạo và từ thiện	- Đã tham gia đầy đủ các hoạt động từ thiện do nhà trường tổ chức. - Đã quyên góp, ủng hộ và tham gia hoạt động chăm lo tết cho người nghèo - Trao 40 xuất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại 4 Trường THPT - Giảng viên, sinh viên tham gia hiến máu	100% 3 triệu và một số sách vở đồ dùng học tập 8 triệu đồng 154 lượt	100% 100% 100% 100%

2.6. Công tác đảm bảo chất lượng

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã thực hiện đầy đủ các hoạt động về công tác bảo đảm chất lượng.

+ Hạn chế: Công tác rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo thực hiện chậm

+ Nguyên nhân: Nhà trường chưa đon đốc thực hiện theo đúng thời gian quy định.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.6 kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Các kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Đầu năm – cuối năm	Có đầy đủ các kế hoạch, báo cáo	100%
2	Phân công giảng dạy, CVHT cho các giảng viên	9/2022	Phân công công việc đầy đủ cho giảng viên	100%
3	Giảng viên xây dựng hồ sơ giảng dạy và hồ sơ CVHT	9/2022	Bộ hồ sơ giảng dạy và hồ sơ CVHT	100%
4	Theo dõi thực hiện nhiệm vụ giảng viên: Giảng dạy, NCKH, KN&PVCĐ	Trong cả năm học	Kết quả giảng dạy, NCKH, KN&PVCĐ của các giảng viên	100%
5	Chỉnh sửa Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần	4/2022 – 9/2022 -	Chương trình được chỉnh sửa	100%
6	Công tác bồi dưỡng cán bộ	Trong cả năm học	- Có 01 NCS bảo vệ Tiến sĩ - Có 5 Đ/c đang học Bằng ĐH Tiếng Anh; - Có 16 Đ/c tham gia lớp bồi dưỡng năng lực cán bộ cấp phòng.	100%
8	Đánh giá CCVC	Hàng tháng	49 GV	100%

2.7. Công tác tin học hóa, chuyển đổi số

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Nâng cao, sử dụng hiệu quả của trang web, FB, Zalo của khoa để đưa các văn bản chỉ đạo của các cấp, các văn bản của khoa; đăng các thông tin về các hoạt động chính của khoa. Tổ chức dạy và học trực tuyến online có hiệu quả, tổ chức hội thảo khoa học theo hình thức trực tuyến.

+ Hạn chế: Việc giảng dạy và học tập qua hình thức trực tuyến online gặp nhiều khó khăn, một số giảng viên giảng dạy chưa hiệu quả, sinh viên học tập kết quả chưa cao.

+ Nguyên nhân: Khả năng sử dụng CNTT chưa tốt, hệ thống cơ sở hạ tầng về CNTT còn kém, mạng Internet chậm, chập trờn, nhiều sinh viên chưa có máy tính.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.7. kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Hoạt động của Website, FB, Zalo của khoa	Trong cả năm học	- Đưa tất cả các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, Nhà trường và của khoa. - Đăng tất cả các hoạt động, các thông tin của khoa	100% 100%
2	Quảng bá – thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo trên Web và FB	2/2023 – 6/2023	Đã quảng bá, thông tin tuyển sinh của 7 ngành ngành đào tạo của khoa và 3 ngành đào tạo cao học	100%
3	Giảng dạy một số nội dung bằng hình thức trực tuyến online	9/2022-5/2023	Giảng viên và sinh viên tham gia dạy và học online	100%
4	Tổ chức hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo	4/2023	Giảng viên, đại biểu mời và sinh viên tham gia hội thảo	100%

2.8. Công tác học sinh-sinh viên

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã tổ chức tốt công tác quản lý học sinh, sinh viên, chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động: học tập, rèn luyện, TTSP, TTNN, rèn luyện NVSP, các hoạt động hỗ trợ sinh viên, xét cấp các loại học bổng, thu nợ học phí.

+ Hạn chế: Công tác thu nợ học phí còn chậm.

+ Nguyên nhân: Nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nên hay chậm nộp học phí. Do dịch bệnh Covid 19 nên nhiều gia đình phụ huynh không có việc làm để gửi tiền học phí cho sinh viên.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.8 kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Công tác quản lý học sinh, sinh viên	Trong cả năm học	Kết quả điểm học tập + rèn luyện của SV, khen thưởng, kỷ luật	100%
2	Hoạt động học tập của sinh viên	Trong cả năm học	Kết quả học tập của SV	100%
3	Công tác xét điểm rèn luyện	Cuối mỗi kỳ	Kết quả điểm rèn luyện của SV	100%
4	Công tác xét học bổng khuyến khích, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội	Đầu các kỳ học	Số SV được nhận các loại học bổng: 176 lượt	100%
5	Hoạt động thực tập, rèn nghề	Theo kế hoạch từng loại hình đào tạo	- Kết quả TTSP của SV SP - Kết quả TTNN của SV CNTT	100%
6	Hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm	Trong cả năm học	Tham gia các HĐ VHVN-TDTT, các CLB, RLNVSP	100%
7	Hoạt động hỗ trợ học tập của sinh viên	Trong cả năm học	Dạy LHS + SV yếu	100%
8	Hoạt động hỗ trợ sinh viên đăng ký môn học	Đầu mỗi kỳ	CVHT + BCN khoa hỗ trợ đăng ký HT cho SV	100%
9	Công tác hỗ trợ Nhà trường thu học phí từ người học	Khi nhà trường có thông báo	Đã thu được học phí của các sinh viên còn nợ	

2.9. Công tác tài chính

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã tổ chức thực hiện chi kinh phí đúng, đủ theo kế hoạch đã được phê duyệt.

+ Hạn chế: Nhiều nội dung chi nhưng khó hoàn ứng

+ Nguyên nhân: Kế hoạch kinh phí duyệt muộn, Quy chế chi tiêu nội bộ chỉnh sửa chậm so với một số nội dung đã thực hiện

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.9 kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu đề ra
1	Các loại kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, văn phòng phẩm	Trong cả năm học	Đã thực hiện chi theo đúng kế hoạch được duyệt	100%
2	Các loại kinh phí chi cho các hoạt động VHVN-TDTT	Trong cả năm học	Đã thực hiện chi theo đúng kế hoạch được duyệt	100%
3	Các loại kinh phí chi cho các hoạt động sửa chữa máy tính	12/2022 – 6/2023	Thực hiện chi theo đúng kế hoạch được duyệt	100%
4	Kinh phí đóng góp của giảng viên và sinh viên	Trong cả năm	Công tác thi đua – khen thưởng, hỗ trợ SV khó khăn và một số hoạt động của khoa	100%

2.10. Các hoạt động khác

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Công tác đoàn thể

- Đánh giá công việc đã thực hiện gồm:

+ Thành tựu đạt được: Đã tổ chức Hội thao cấp khoa, tham gia đầy đủ có hiệu quả các hoạt động VHVN – TDTT do nhà trường tổ chức. Đạt giải Nhất môn Bóng đá Nữ, giải Ba môn Bóng chuyền Nữ, giải Ba văn nghệ. Tham gia có hiệu quả các hoạt động đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

+ Hạn chế: Một số sinh viên chưa nhiệt tình tham gia các hoạt động này.

+ Nguyên nhân: Một số sinh viên sức khỏe yếu, còn rụt rè.

- Kết quả thực hiện (điền theo mẫu phụ lục 2.10 kèm theo).

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ báo – thời gian thực hiện	Kết quả (chỉ số đạt được)	Tỷ lệ % đạt được so với chỉ

				tiêu đề ra
1	Hoạt động văn hóa, văn nghệ	11/2022 – 4/2023	Tham gia hội thi văn nghệ SV	100%
2	Hoạt động Thể dục Thể thao cấp Khoa	9/2022 – 10/2022	Tổ chức thành công Hội thao cấp khoa: Bóng đá Nam, Nữ, Bóng chuyền Nam , Nữ	100%
3	Hoạt động Thể dục Thể thao cấp Trường	10/2022 – 11/2022	Nhất môn Bóng đá Nữ, giải Ba môn Bóng chuyền Nữ.	100%
4	Công tác Công đoàn	Trong cả năm	Thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra	100%
5	Công tác Đoàn thanh niên	Trong cả năm	Thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra	100%
6	Công tác Hội sinh viên	Trong cả năm	Thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra	100%

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

- Tăng cường các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học.

- Tăng cường các hoạt động NCKH của giảng viên, đổi mới phương pháp dạy học theo sự đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông.

2. Kiến nghị

- Tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của lãnh đạo trường và các phòng, ban chức năng.

- Cần có sự thống nhất các hoạt động của các đơn vị để có thể lượng hóa các hoạt động để thuận lợi cho công tác kiểm định chất lượng.

TRƯỞNG KHOA

Nơi gửi:
- P. TC-HC (báo cáo)
- Các GV (để biết)
- Lưu VPK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC
KHOA
KHOA HỌC TỰ NHIÊN-CÔNG NGHỆ

TS. Hoàng Ngọc Anh